

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 328/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2017

V/v Tranh chấp “Hôn nhân
và gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Tám.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2017 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 444, ấp PĐ B, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Kim P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ 04, ấp PH A, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị Hồ Thị L và anh Trần Kim P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19/4/2017 chị Hồ Thị L trình bày: Chị và anh Trần Kim P quen nhau năm 2005, đến năm 2006 thì thành vợ chồng có tổ chức lễ cưới, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Lâm cấp giấy Chứng nhận kết hôn số 78/2011 ngày 08/8/2011. Sau khi thành vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn chị phải đi làm ăn xa, còn anh P ở nhà đã quen với người phụ nữ khác. Khi chị biết được việc này, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh P chẳng những không nghe mà còn chửi bới, hăm dọa đánh đập chị. Kéo dài đến năm 2015 thì vợ chồng ly thân cho đến nay không ai quan tâm gì đến ai.

Về con chung của vợ chồng: anh, chị có một con chung là cháu Trần Thị Như N, sinh ngày 27/9/2007 hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng:

- 01 bộ vòng 18 kara, chị đã bán vào năm 2014 được 16.000.000 đồng để lo cho con học hành đến nay đã không còn;
- 01 chiếc xe Airblade biển kiểm soát 67V2-0920, chị đang quản lý sử dụng;
- 01 xe Wave alpha biển kiểm soát 67V1-7684, anh P đang quản lý sử dụng;
- 03 tủ đông lạnh, anh P đang quản lý sử dụng;
- 08 dây hụi 1.000.000 đồng;

Về nợ chung của vợ chồng: không có.

Nay chị khởi kiện yêu cầu:

- Được ly hôn với chồng là anh Trần Kim P;
- Được tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Thị Như N, sinh ngày 27/9/2007, không yêu cầu anh Hùng phải cấp dưỡng nuôi con;
- Không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng;

Bị đơn là anh Trần Kim P trình bày: Anh và chị L thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn, có con chung và hiện nay vợ chồng đã ly thân hoàn toàn đúng như chị L trình bày. Tuy nhiên về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng do chị L thường xuyên kiểm chuyện vô cớ và chị L bỏ đi từ ngày 15/01/2014 nên vợ chồng ly thân cho đến nay.

Về tài sản chung của vợ chồng anh cho rằng chị L hiện nay đang quản lý, sử dụng gồm:

- Tiền mặt là 105.000.000 đồng;
- Vàng 24 kara tổng cộng 60 chỉ;
- Vàng 18 kara tổng cộng 37,5 chỉ;
- 01 chiếc xe Airblade biển kiểm soát 67V2-0920;

Anh đang quản lý sử dụng 01 xe Wave alpha biển kiểm soát 67V1-7684;

Về nợ chung của vợ chồng: không có.

Nay anh yêu cầu:

- Do còn thương vợ nên muốn vợ chồng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn với chị L;
- Được nuôi con chung là cháu Trần Thị Như N, sinh ngày 27/9/2007, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con;
- Được phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật;

Tại bản tự khai ngày 02/8/2017, cháu N có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn.

Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 28/8/2017 do bận đi làm ăn xa.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng như sau: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định.

Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa anh P, chị L là hôn nhân hợp pháp, anh chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2014 cho đến nay. Chị L yêu cầu ly hôn mặc dù anh P không đồng ý nhưng qua nhiều năm kể từ khi vợ chồng ly thân không ai quan tâm, chăm sóc đến ai, anh P cũng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị L yêu cầu ly hôn là có căn cứ để chấp nhận.

Về con chung, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu N do chị L nuôi dưỡng có môi trường sống tốt, ổn định và chị cũng có đầy đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng cháu nên cần chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị L và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy anh P có yêu cầu được phân chia nhưng anh không nộp tạm ứng án phí theo Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh P với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại ấp PH A, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh P kết hôn vào năm 2006 và đã đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã PL nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2014, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Chị L, anh P có một đứa con chung tên Trần Thị Như N, sinh ngày: 27/9/2007, cháu N đang sống chung với chị L. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu N đã sống chung với chị L, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị, cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, chị có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu nên yêu cầu của chị là phù hợp nguyện vọng của cháu N và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nghĩ nên tiếp tục giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng. Anh P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu xem xét giải quyết, tuy anh P có yêu cầu nhưng anh không thực hiện việc nộp tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản theo như thông báo nộp tạm ứng án phí số 35/TB-TA ngày 03/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện PT. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Yêu cầu ly hôn của chị L được chấp nhận nên chị phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015971 ngày 07/6/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Hồ Thị L được ly hôn với anh Trần Kim P.

2/. Về con chung:

Giao cháu Trần Thị Như N, sinh ngày: 27/9/2007 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết. Anh P được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015971 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện PT, tỉnh An Giang.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, do các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nghĩa